

Số: 30/KH-TPST

Tp. Sóc Trăng, ngày 08 tháng 02 năm 2021

KẾ HOẠCH

Chiến lược phát triển giáo dục trường THPT thành phố Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030

Để thực hiện đường lối đổi mới giáo dục, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo liên quan đến sự nghiệp đổi mới Giáo dục Việt Nam:

- Luật Giáo dục 2019 (Luật số 43/2019/QH14, ban hành ngày 14/6/2019);
- Chỉ thị số 40/2004/CT-TW ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;
- Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020;
- Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 19/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 - 2025;

Trên cơ sở đó, đòi hỏi các cơ sở giáo dục nói chung và các trường THPT nói riêng phải xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển của từng trường trong từng thời kỳ, từng giai đoạn để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân đã giao phó. Trường THPT thành phố Sóc Trăng xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 đây là sự tiếp nối của Chiến lược phát triển trường THPT thành phố Sóc Trăng giai đoạn từ 2015 - 2020 trước đây. Trường THPT thành phố Sóc Trăng được thành lập theo Quyết định số 1887/QĐ-UBND, ngày 18/8/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng. Nhà trường hiện nay có quy mô trường loại I, các năm vừa qua chất lượng giáo dục và đào tạo của nhà trường ngày càng được nâng cao nên đã tạo được niềm tin ở phụ huynh và học sinh trên địa bàn thành phố Sóc Trăng. Đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với chất lượng giáo dục, đội ngũ sư phạm trường THPT thành phố Sóc Trăng luôn nhiệt tình và tâm huyết với nghề nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin, cải tiến phương pháp dạy học để góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Đào tạo các thế hệ học sinh thành đạt, góp phần xây dựng và phát triển quê hương đất nước.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp

chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của nhà trường và hoạt động của CBQL cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Xây dựng và triển khai Kế hoạch chiến lược phát triển của trường THPT thành phố Sóc Trăng là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng và phát triển nhà trường. Tập thể sư phạm quyết tâm xây dựng nhà trường phát triển mạnh về mọi mặt, góp phần xây dựng ngành giáo dục thành phố Sóc Trăng nói riêng và tỉnh Sóc Trăng nói chung đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

I. Nhận định, phân tích môi trường

1. Đặc điểm tình hình

1.1 Môi trường bên trong

a. Điểm mạnh.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường hiện nay là: 98. Trong đó: CBQL: 02 (Hiệu trưởng: 01 - Thạc sĩ, Nhà giáo ưu tú; Phó Hiệu trưởng: 01 - Tiến sĩ; cả 02 CBQL đang hiện hưởng ngạch giáo viên trung học phổ thông hạng II) giáo viên: 89 (Thạc sĩ: 02, Đại học: 87, ngạch giáo viên trung học phổ thông hạng II là 28 giáo viên, ngạch giáo viên trung học phổ thông hạng III là 58 giáo viên, ngạch giáo viên THCS hạng III là 01 giáo viên dạy thể dục (giáo viên điều chuyển, hết năm học 2020-2021 sẽ quay về trường cũ, nhân viên: 07).

- Trình độ chuyên môn GV: 100% đạt chuẩn đào tạo.

- Công tác tổ chức quản lý của BGH: Đội ngũ BGH còn trẻ, năng động, sáng tạo, có tầm nhìn khoa học. Việc xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn có tính khả thi, sát thực tế. Công tác tổ chức thực hiện các hoạt động từ khâu lập kế hoạch, triển khai, kiểm tra đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới. Cán bộ quản lý có uy tín, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, được sự tin tưởng của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: trẻ, tuổi nghề bình quân 15 năm, nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

* Về chất lượng học sinh tính đến cuối HKI năm học 2020-2021: Tổng số học sinh: 1521; tổng số lớp: 39; Điểm đầu vào lớp 10 năm học 2020-2021: 33,00 điểm (thi tuyển).

- Đánh giá hai mặt giáo dục HKI năm học 2020-2021 như sau:

*** Hạnh kiểm**

Khối	Tổng số HS	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
10	533	431	80,86%	88	16,51%	14	2,63%	0	0,00%
11	468	387	82,69%	59	12,61%	21	4,49%	1	0,21%

12	520	426	81,92%	86	16,54%	8	1,54%	0	0,00%
Cộng	1521	1244	81,79%	233	15,32%	43	2,83%	1	0,07%

* So sánh với cùng kỳ năm học trước: Số học sinh tăng 49 học sinh; số học sinh có hạnh kiểm Tốt tăng 5,43%; học sinh có hạnh kiểm Khá giảm 4,58%; học sinh có hạnh kiểm Trung bình giảm 0,50%; hạnh yếu giảm 0,34%.

* Tính riêng từng khối:

So với cùng học kỳ năm học trước (năm học 2019-2020):

- Khối 10: Hạnh kiểm Tốt tăng 1,12%.
- Khối 11: Hạnh kiểm Tốt tăng 6,61%.
- Khối 12: Hạnh kiểm Tốt tăng 8,54%.

* Học lực

Khối	Tổng số HS	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
10	533	35	6,57%	233	43,71%	225	42,21%	40	7,50%		
11	468	33	7,07%	199	42,50%	210	44,97%	26	5,57%		
12	520	45	8,65%	264	50,77%	191	36,73%	20	3,85%		
Cộng	1521	113	7,43%	695	45,72%	626	41,18%	86	5,66%		

So sánh với cùng kỳ năm học trước: Học lực Giỏi tăng 3,90%; học lực Khá tăng 9,78%; học lực Yếu giảm 3,44%; không có học lực Kém (năm học trước học lực kém 0,37%).

* Tính riêng từng khối:

So với cùng học kỳ năm học trước (năm học 2019-2020):

- Khối 10: Học lực Giỏi tăng 4,63%, học lực Khá tăng 9,23%.
- Khối 11: Học lực Giỏi tăng 2,36%, học lực Khá tăng 6,53%.
- Khối 12: Học lực Giỏi tăng 4,88%, học lực Khá tăng 13,45%.

* Về cơ sở vật chất của nhà trường gồm có:

- + Phòng học: 30.
- + Phòng thực hành: 3 phòng, mỗi phòng đều có phòng chuẩn bị.
- + Phòng sinh hoạt bộ môn: 10 .
- + Phòng Thư viện: 01, có phòng đọc sách riêng.
- + Phòng Tin học: 02 với 60 máy đã được kết nối Internet.
- + Phòng họp: 01
- + Phòng y tế: 01
- + Phòng bảo vệ: 01
- + Phòng làm việc của Công đoàn: 01, Đoàn TN: 01

+ Phòng nghỉ trưa cho GV: 03

+ Văn phòng nhà trường: 01

+ Phòng CBQL: 03

b. Điểm hạn chế.

- Tổ chức quản lý của Ban Giám hiệu:

+ Đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên còn mang tính động viên, chưa đánh giá đúng thực chất năng lực.

+ Trường chưa được giao quyền tự chủ về con người nên không chủ động tuyển chọn được nhiều giáo viên, cán bộ có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm cao.

- Đội ngũ giáo viên, nhân viên: Đội ngũ giáo viên trẻ, năng động, nhiệt tình và yêu nghề nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, chủ nhiệm, bồi dưỡng học sinh giỏi.

- Chất lượng học sinh: học sinh có hạnh kiểm trung bình, yếu cho thấy ý thức học tập và tu dưỡng rèn luyện chưa tốt.

- Cơ sở vật chất: phòng họp có diện tích nhỏ nên không thể trang bị bàn cho GV (hiện nay chỉ sắp xếp được 80 ghế ngồi, nếu kê thêm bàn sẽ không đủ chỗ). Vì vậy gây khó khăn trong việc ghi chép của GV.

1.2 Môi trường bên ngoài

a. Thời cơ:

- Trường đã có được sự tin nhiệm của học sinh và phụ huynh học sinh trong khu vực, nhu cầu được vào học tập ở trường trong học sinh là rất cao.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên trẻ, được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn và kỹ năng sự phạm khá, tốt.

- Nhu cầu giáo dục chất lượng cao trong PHHS khá lớn và ngày càng tăng.

b. Thách thức:

- Chất lượng đầu vào còn thấp, trong lúc đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục của PHHS và xã hội trong thời kỳ hội nhập.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên vẫn còn một số chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Việc áp dụng các kỹ thuật dạy học, khả năng sáng tạo của cán bộ, giáo viên, nhân viên còn hạn chế.

2 Xác định các vấn đề ưu tiên

- Thực hiện dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng, đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh với mục tiêu nâng cao chất lượng dạy học.

- Tạo điều kiện cho giáo viên đi học nâng cao trình độ đảm bảo đến năm 2025 có 10 %, đến năm 2030 có 20 % đạt trên chuẩn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Ứng dụng CNTT trong dạy – học và công tác quản lý.

- Áp dụng các chuẩn nghề nghiệp vào việc đánh giá hoạt động của nhà trường về công tác quản lý, giảng dạy.

- Xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2 vào năm 2022.

II. Định hướng chiến lược

1. Sứ mệnh: Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường.

2. Tầm nhìn: Trường học có môi trường giáo dục chất lượng cao, địa chỉ tin cậy để học sinh và phụ huynh lựa chọn học tập và rèn luyện, tạo cơ hội cho tất cả mọi người được phát huy năng lực bản thân trong học tập, rèn luyện để vươn tới đỉnh cao và có kỹ năng sống tốt. Học để biết, để làm, để tự khẳng định mình và để cùng chung sống.

3. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường

Các phẩm chất chủ yếu cần phát triển cho học sinh: (1) Yêu nước; (2) Trách nhiệm; (3) Trung thực; (4) Chăm chỉ; (5) Nhân ái.

Các năng lực cốt lõi cần phát triển cho học sinh: (1) Tự chủ và tự học; (2) Năng lực thể chất; (3) Năng lực thẩm mỹ; (4) Năng lực tin học; (5) Năng lực công nghệ; (6) Năng lực khoa học; (7) Năng lực toán học; (8) Năng lực ngôn ngữ; (9) Giải quyết vấn đề và sáng tạo; (10) Giao tiếp và hợp tác.

III. PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG, MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU

1. Phương châm hành động

“Giáo dục đạo đức; môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn; nâng cao chất lượng giáo dục.”

2. Mục tiêu

Trường đạt chuẩn Quốc gia theo hướng bền vững và phát triển, là mô hình giáo dục từng bước hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

3. Chỉ tiêu

3.1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên

- Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đánh giá khá, giỏi 100%.

- Tất cả giáo viên đều sử dụng thành thạo máy tính.

- Số tiết dạy sử dụng công nghệ thông tin trên 50% .

- Cán bộ quản lý có trình độ sau đại học từ 50% trở lên và 10% giáo viên trở lên có trình độ sau đại học.

- Phần đầu có từ 04 tổ trở lên có giáo viên đạt trình độ sau đại học.

3.2. Học sinh:

- Quy mô:
 - + Lớp học: 40 lớp.
 - + Học sinh: 1600 học sinh.
- Chất lượng học tập:
 - + Trên 50% học lực khá, giỏi (8%-10% học lực giỏi)
 - + Tỷ lệ học sinh có học lực yếu dưới 03% không có học sinh kém.
 - + Thi đỗ Đại học, Cao đẳng: Trên 65%.
 - + Số học sinh còn lại sau khi tốt nghiệp THPT có việc làm ổn định.
 - + Thi học sinh giỏi cấp tỉnh: trên 02 giải, đến năm 2025 trên 05 giải.
 - + Phần đầu có học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia.
- Chất lượng đạo đức, kỹ năng sống.
 - + Chất lượng đạo đức: trên 90% hạnh kiểm khá, tốt.
 - + Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội, tình nguyện.

3.3. Cơ sở vật chất:

- Phòng học, phòng làm việc, phòng thực hành, thư viện, phòng chức năng được đầu tư đầy đủ thiết bị phục vụ dạy, học đảm bảo chuẩn hóa, hiện đại hóa.
- Xây dựng mới 1 phòng họp có sức chứa trên 150 người.
- Xây dựng thêm 15 phòng học trong các năm tới để mở rộng quy mô lớp học đảm bảo chất lượng dạy 02 buổi/ngày cho học sinh.
- Xây dựng môi trường sư phạm “Xanh - Sạch - Đẹp - Thân thiện - An toàn”.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục học sinh

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá.
- Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng học sinh.
- Đổi mới hình thức, nội dung các hoạt động giáo dục đạo đức, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn, giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản.
- Duy trì và làm tốt công tác tạo nguồn học sinh giỏi
- Tổ chức tốt các môn học tăng cường theo nhu cầu của học sinh

2. Xây dựng và phát triển đội ngũ

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn khá giỏi; có trình độ Tin học, ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực, đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, khoa học, hợp tác, đề cao tính tự giác, tính kỷ luật.

3. Cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục

- Xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá. Bảo quản và sử dụng hiệu quả, lâu dài.

- Hàng năm có kế hoạch bố trí kinh phí mua sắm đồ dùng, trang thiết bị phục vụ dạy học để đáp ứng cho việc nâng chất lượng dạy học.

- Tham mưu với lãnh đạo xin xây dựng phòng họp và phòng học.

4. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

Triển khai rộng rãi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy, xây dựng ngân hàng đề kiểm tra... Góp phần nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học. Động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên đầu tư thiết bị cũng như kiến thức về CNTT phục vụ cho việc giảng dạy.

5. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục

- Xây dựng nhà trường văn hoá, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, CNV.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về giáo dục trong các tầng lớp nhân dân, các tổ chức xã hội cùng cộng đồng trách nhiệm với nhà trường để làm tốt nhiệm vụ giáo dục.

- Tích cực triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng và duy trì phát triển trường đạt chuẩn quốc gia theo hướng bền vững

- Huy động được các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển Nhà trường.

6. Xây dựng thương hiệu

- Xây dựng thương hiệu và sự tin nhiệm của xã hội đối với nhà trường.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phổ biến chiến lược phát triển nhà trường

Phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên và phụ huynh, học sinh nội dung của chiến lược phát triển và đưa lên Website cũng như niêm

yết tại bảng tin cho phụ huynh học sinh, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường.

2. Thực hiện

Xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược, lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược, chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, theo dõi quá trình triển khai kế hoạch chiến lược. Điều chỉnh kế hoạch chiến lược sau từng giai đoạn phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội, của địa phương và sát với tình hình thực tế của nhà trường, cụ thể:

Giai đoạn 1: Từ năm học 2020 - 2021: Trình cấp thẩm quyền phê duyệt chiến lược phát triển của nhà trường, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược. Phát triển trường đạt chuẩn Quốc gia theo hướng bền vững.

Giai đoạn 2: Từ năm 2021 - 2022: Đề nghị cấp trên công nhận trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2. Khẳng định được thương hiệu, uy tín và hình ảnh của nhà trường là một cơ sở giáo dục có chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Giai đoạn 3: Từ năm 2022 trở đi: Thực hiện các sứ mệnh của chiến lược phát triển nhà trường: *“Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân”*.

Kết luận: Việc thực hiện chiến lược phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030, là nhiệm vụ quan trọng nhằm từng bước cụ thể hoá mục tiêu mà Nghị quyết đại hội Đảng bộ thành phố Sóc Trăng và Nghị quyết 29 của Ban chấp hành trung ương về “Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục- đào tạo” đã đề ra, đáp ứng yêu cầu dạy học trong tình hình mới, đồng thời tạo cơ sở để chuẩn bị triển khai thực hiện đổi mới giáo dục trong thời gian tới.

DUYỆT
CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁM ĐỐC

Châu Tuấn Hồng

HIỆU TRƯỞNG


Kha Vĩnh Huy

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- HT, PHT.
- Lưu: VT.